

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Hệ thống tín chỉ)

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **Thương mại Điện tử**

Mã ngành: **7340122**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

TP. HCM, năm 2019

MỤC LỤC

1.	Sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo	1
2.	Mục tiêu đào tạo.....	3
2.1	Mục tiêu chung	3
2.2	Mục tiêu cụ thể	3
2.3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT).....	3
3.	Thời gian đào tạo.....	8
4.	Khối lượng kiến thức toàn khóa.	8
5.	Đối tượng tuyển sinh.....	8
6.	Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	8
6.1	Quy trình đào tạo	8
6.2	Điều kiện tốt nghiệp	8
7.	Thang điểm	9
8.	Chương trình đào tạo	9
8.1	Tỉ lệ các khối kiến thức	9
8.2	Nội dung chi tiết chương trình đào tạo	9
9.	Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:	14
10.	Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp/học chuyên đề tốt nghiệp	24
10.1	Thực tập tốt nghiệp:.....	24
10.2	Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề tốt nghiệp.....	25
11.	Tóm tắt đề cương môn học.....	27
12.	Đề cương chi tiết môn học	47
13.	Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình	47
13.1	Danh sách giảng viên cơ hữu	47
13.2	Danh sách giảng viên thỉnh giảng.....	50
13.3	Danh sách cố vấn học tập.....	51
14.	Cơ sở vật chất phục vụ học tập:.....	51
14.1	Phòng học	51
14.2	Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành	51
14.3	Hội trường.....	52
14.4	Thư viện:.....	52
14.5	Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo	53
15.	Hướng dẫn thực hiện chương trình	56
16.	Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:	56

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ nguyên
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CT	Chương trình
CTĐT	Chương Trình đào tạo
GDQP	giáo dục quốc phòng
HTTT	Hệ thống thông tin
HTTTQL	Hệ thống thông tin Quản lý
TC	tín chỉ
TMĐT	Thương mại điện tử

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

- **Tên chương trình: Thương mại điện tử (Electronic Commerce)**
- **Trình độ đào tạo: Đại học**
- **Ngành đào tạo: Thương mại điện tử**
- **Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**
- **Mã ngành đào tạo: 7340122**
- **Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Thương mại điện tử**

1. Sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo

Ngành thương mại điện tử (TMĐT) tại Việt Nam cho đến thời điểm này đã khẳng định vai trò đóng góp rất tích cực vào quá trình phát triển đất nước. Xu thế kinh doanh và quản lý trên nền tảng Internet và thiết bị công nghệ di động không ngừng phát triển. Tuy nhiên, nguồn nhân lực chính qui để xây dựng hạ tầng, điều hành quản lý và phát triển TMĐT tại Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Chính vì vậy, việc phát triển và đào tạo nguồn nhân lực chính qui về TMĐT luôn được Chính phủ, các Bộ ngành, các trường đại học trong cả nước và xã hội quan tâm. Điều này đã được thể hiện qua nhiều nghị định, kế hoạch, chiến lược phát triển TMĐT cũng như đào tạo nguồn nhân lực chính qui được ban hành trong những năm qua. Bên cạnh đó, các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế thường xuyên được tổ chức nhằm mục đích trao đổi và thống nhất về kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển TMĐT của đất nước.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa đã và đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay thì nhu cầu ứng dụng và triển khai TMĐT vào quá trình kinh doanh, quản lý ngày càng tăng cao hơn nữa và chắc chắn điều đó sẽ mở ra nhiều cơ hội thành lập doanh

ng nghiệp và các doanh nghiệp khác sẽ triển khai mạnh mẽ TMĐT vào trong quá trình kinh doanh, quản lý và đó cũng là cơ hội việc làm tốt cho sinh viên trong tương lai không xa.

Trong hai năm vừa qua, kể từ khi tuyển sinh chuyên ngành Thương mại điện tử vào năm 2014, bên cạnh việc đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật đã hoàn thiện xây dựng chương trình giáo dục ngành Thương mại điện tử theo tiếp cận CDIO. Trường đã có thêm bề dày kinh nghiệm trong đào tạo Thương mại điện tử, có thêm được một hệ thống các đối tác là doanh nghiệp, hiệp hội hỗ trợ trong đào tạo và tuyển dụng việc làm. Trường cũng đã tập trung đào tạo cán bộ giảng viên giảng dạy theo CDIO, tăng cường tuyển dụng giảng viên có học vị cao và có chuyên ngành liên quan. Tuy nhiên, cũng qua quá trình đào tạo chuyên ngành TMĐT này, Trường nhận thấy rằng, đào tạo theo hình thức chuyên ngành không thể đủ thời gian và điều kiện để có thể tập trung đào tạo một sinh viên chất lượng cao ngành Thương mại điện tử để đáp ứng tốt yêu cầu xã hội, đặc biệt giai đoạn hiện nay gia nhập cộng đồng kinh tế ASIAN và TPP đang có sự cạnh tranh khốc liệt về việc tuyển dụng việc làm tại các công ty lớn, công ty đa quốc gia cho sinh viên ngành TMĐT.

Để đáp ứng nhu cầu cấp bách về đào tạo nguồn nhân lực chính quy TMĐT, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM đã xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo ngành TMĐT bậc đại học hệ chính quy (hồ sơ mở ngành đính kèm). Đồng thời, cùng với thế mạnh trong lĩnh vực kinh tế, luật, kinh doanh và hệ thống thông tin quản lý - một thế mạnh liên ngành chính là nền tảng và điều kiện tốt cho việc đào tạo ngành TMĐT và điều đó cũng có thể khẳng định ngành đào tạo này sẽ trở thành điểm nhấn trong hệ thống đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Luật nói riêng và trong ĐHQG-HCM nói chung.

Với những lý do trình bày trên cùng với những nội dung đã được thuyết minh chi tiết trong Hồ sơ mở ngành, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM kính đề nghị Ban Giám đốc ĐHQG-HCM, Ban Đại học & Sau đại học và Ban Kế hoạch – Tài chính, ĐHQG-HCM xét duyệt và đồng ý cho Trường Đại học Kinh tế - Luật mở ngành đào tạo TMĐT bậc đại học hệ chính quy theo hệ tín chỉ.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức toàn diện về lĩnh vực thương mại điện tử; có chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; cung cấp nguồn nhân lực thương mại điện tử chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội trong thời đại mới.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu I: Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại điện tử: nắm vững **ngành vụ kinh doanh** và thành thạo **công nghệ thông tin** ứng dụng trong kinh doanh tại doanh nghiệp.

Mục tiêu II: Đào tạo đội ngũ quản lý có kiến thức vững vàng trong **hoạch định, xây dựng và triển khai** hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và khả năng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

Mục tiêu III: Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong việc **tổ chức, quản lý và thực hiện** toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử trong doanh nghiệp, có khả năng **nhận biết và giải quyết các vấn đề** của hoạt động **thương mại điện tử** trong **thời đại công nghệ 4.0**.

Mục tiêu IV: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

2.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo áp dụng CDIO hiện đại nền tảng giáo dục 4.0	Chi chú
1	CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH TMĐT	
1.1	KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH TMĐT	
1.1.1	Toán học	
1.1.2	Tin học	
1.1.3	Kinh tế	
1.1.4	Pháp luật	
1.1.5	Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý thời đại 4.0	
1.2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH TMĐT	
1.2.1	Kỹ thuật lập trình	

1.2.2	Phân tích thiết kế hệ thống	
1.2.3	Hạ tầng Công nghệ thông tin thời đại 4.0	
1.2.4	Quản trị	
1.2.5	Hệ thống thông tin	
1.2.6	Quản lý chuỗi cung ứng trong thời đại 4.0	
1.2.7	Thương mại điện tử	
1.2.8	Marketing	
1.2.9	Kế toán – Tài chính	
1.2.10	An toàn và bảo mật	
1.2.11	Các kiến thức nền tảng của công nghệ 4.0	
1.3	CÓ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	
1.3.1	Thanh toán điện tử	
1.3.2	Pháp luật về TMĐT	
1.3.3	Marketing điện tử	
1.3.4	Quản trị TMĐT	
1.3.5	Quản lý và phân tích dữ liệu	
1.3.6	Công cụ thương mại điện tử	
1.3.7	M-Commerce	
1.3.8	Chiến lược thương mại điện tử	
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2.1	CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TMĐT	
2.1.1	Kỹ năng về tính toán, tổng hợp và khai thác thông tin hiệu quả	
2.1.2	Tư duy thiết kế (khả năng trình bày và phát triển quy trình, công việc nhiệm vụ để đạt hiệu quả mong muốn)	
2.1.3	Kỹ năng quản trị sự quá tải thông tin, nhận thức	
2.1.4	Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyến nghị)	
2.2	CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC	

2.2.1	Định hình giả thuyết (nêu giả thuyết)	
2.2.2	Khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử	
2.2.3	Kỹ năng tiếp cận và khai thác hiệu quả các phương tiện - công nghệ mới.	
2.2.4	Tiến hành thử nghiệm	
2.2.5	Phân tích dữ liệu	
2.2.6	Kiểm định giả thuyết, bảo vệ luận điểm	
2.3	CÓ KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG	
2.3.1	Hiểu những kiến thức cơ bản và phương pháp của tư duy hệ thống	
2.3.2	Áp dụng kiến thức liên ngành để giải quyết vấn đề	
2.3.3	Đánh giá và cân bằng trong giải quyết vấn đề	
2.4	CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP	
2.4.1	Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro	
2.4.2	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	
2.4.3	Tư duy thích ứng và sáng tạo	
2.4.4	Tư duy suy xét đa ngành, đa chiều	
2.4.5	Sự tự nhận thức và tích hợp kiến thức liên ngành	
2.4.6	Học tập và rèn luyện suốt đời	
2.4.7	Tích hợp công nghệ để quản lý thời gian hiệu quả	
2.5	ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC	
2.5.1	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội toàn cầu	
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp	

2.5.3	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống	
2.5.4	Cập nhật kiến thức và thông tin đa lĩnh vực	
2.5.5	Khả năng hội nhập, chấp nhận sự khác biệt và công bằng	
2.5.6	Chịu áp lực cao, tin cậy và gắn bó với tổ chức	
3	LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	LÀM VIỆC NHÓM	
3.1.1	Kỹ năng làm việc nhóm	
3.1.2	Kỹ năng làm việc đa ngành	
3.1.3	Kỹ năng làm việc nhóm đa văn hóa	
3.1.4	Kỹ năng làm việc nhóm ảo	
3.2	GIAO TIẾP	
3.2.1	Kỹ năng giao tiếp đa phương tiện trong thời đại 4.0	
3.2.2	Thuyết trình	
3.2.3	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột trong môi trường toàn cầu	
3.2.4	Trí tuệ xã hội (social intelligence): kỹ năng kết nối nhiều người khác nhau để giao tiếp, thăm dò và dự đoán sự phản ứng trong công việc	
3.3	GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ (TOEIC 4 kỹ năng)	
3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 500; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)	
4	NĂNG LỰC THỰC HÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH TRONG DOANH NGHIỆP TMĐT TOÀN CẦU	
4.1	NHẬN THỨC VỀ BỐI CẢNH TMĐT TOÀN CẦU	
4.1.1	Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm trong ngành TMĐT	
4.1.2	Hiểu được yêu cầu và tác động qua lại giữa môi trường, xã hội và TMĐT	
4.1.3	Nắm bắt các vấn đề và giá trị đương đại	



4.1.4	Phát triển một quan điểm về TMĐT trong môi trường toàn cầu	
4.2	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP TMĐT TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU	
4.2.1	Tôn trọng sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	
4.2.2	Xác định chiến lược, mục tiêu, và kế hoạch kinh doanh	
4.2.3	Nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua TMĐT	
4.2.4	Khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc	
4.3	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	
4.3.1	Hiểu nhu cầu và thiết lập các mục tiêu	
4.3.2	Xác định chức năng, nguyên lý và kiến trúc	
4.3.3	Phát triển và quản lý dự án tích hợp	
4.4	THIẾT KẾ	
4.4.1	Xây dựng chiến lược kinh doanh	
4.4.2	Lập kế hoạch thực hiện	
4.4.3	Lập kế hoạch xây dựng nguồn lực	
4.4.4	Lập kế hoạch quản lý vận hành, kiểm tra và đánh giá	
4.5	THỰC HIỆN	
4.5.1	Triển khai quá trình thực hiện	
4.5.2	Tích hợp hệ thống công nghệ cao	
4.5.3	Thử nghiệm, kiểm tra, phê chuẩn, chứng nhận	
4.6	VẬN HÀNH	
4.6.1	Quản lý vận hành dự án tích hợp công nghệ đa nền tảng	
4.6.2	Lên kế hoạch đào tạo và thủ tục thực hiện (Huấn luyện và vận hành)	
4.6.3	Quản lý vòng đời của hệ thống	
4.6.4	Hỗ trợ phát triển và bảo trì hệ thống	

3. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không phải bỏ túc kiến thức:
 - o Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề;
 - o Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phải bỏ túc kiến thức: không tuyển sinh
- **Khối tuyển sinh:** A00, A01, D01 và D90 (Toán, Anh văn và tổ hợp bài thi Khoa học tự nhiên).
- **Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm:** 100 sinh viên

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

6.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

6.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;

- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ: Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 500; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)

7. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

8. Chương trình đào tạo: 130 Tín chỉ

8.1 Tỷ lệ các khối kiến thức:

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN hoặc các HPCĐ	Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn			Ghi chú
				Toàn bộ	Cơ sở khối ngành + nhóm ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn		
									Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	130	34	88	34	54	4+4	110	20	44	<i>Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ(20TC), giáo dục thể chất (5 TC), giáo dục quốc phòng (165 tiết, tương đương 8TC)</i>
		Tỷ lệ (%)	26,2	67,7	26,2	41,5	6,1	83,1	16,9		

8.2 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo:

8.3.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 56 tín chỉ

8.3.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Các môn học bắt buộc (10 TC)	11	11		
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin	3	3		
2	GEN1009	Lịch sử ĐCSVN	2	2		
3	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
5	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		

8.3.1.2 Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1101	Tâm lý học (*)	2	2		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp (*)	2	2		
3	GEN1108	Nhân học đại cương (*)	2	2		
4	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học (**)	2	2		
5	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm (**)	2	2		
6	GEN1111	Thực hành văn bản Tiếng Việt (**)	2	2		

8.3.1.3 Khoa học xã hội: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1106	Xã hội học (*)	2	2		
2	GEN1105	Văn hóa học (*)	2	2		
3	GEN1110	Cơ sở văn hóa Việt Nam (*)	2	2		
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới (**)	2	2		
5	GEN1104	Quan hệ quốc tế (**)	2	2		
6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới (**)	2	2		

8.3.1.4 Khoa học kinh tế: 22 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc (22TC)			22	21	1	
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3		
5	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
6	BUS1200	Marketing căn bản	3	3		
7	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1	
8	COM1001	Kinh tế quốc tế	2	2		

8.3.1.5 Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	

8.3.1.6 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 9 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 07 TC			7	7		
1	MAT1001	Toán cao cấp	5	5		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
Các môn học tự chọn: 02 TC			2	2		
1	MIS1060	Tin học ứng dụng	2	2		
2	GEN1107	Logic học	2	2		

8.3.1.7 Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 6 TC			6	6		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		

8.3.1.8 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ**8.3.1.9 Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 8 tín chỉ)**

8.3.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 66 tín chỉ

8.3.2.1 Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 12 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 12 TC				12	9	3	
1	MIS1006	Kỹ thuật lập trình	MIS1003	3	2	1	
2	MIS1036	Nền Tảng công nghệ cho HTTT		3	2	1	
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		3	2	1	
4	ACC1023	Kế toán tài chính	ACC1013	3	3		

8.3.2.2 Kiến thức ngành và chuyên ngành: 54 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 42 TC							
1	MIS1002	Giới thiệu ngành (411)		2	2		
2	MIS1037	Tin học cơ sở		3	2	1	
3	MIS1034	Thương mại điện tử		3	3		
4	MIS1048	An toàn bảo mật TMĐT		3	3		
5	MIS1052	Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	MIS1050	3	2	1	
6	MIS1017	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin	MIS1011	3	2	1	
7	MIS1038	Marketing điện tử	BUS1200	3	3		
8	MIS1046	Pháp luật Thương mại điện tử		2	2		
9	MIS1039	Thanh toán điện tử		3	3		
10	MIS1053	Phát triển thương mại di động		3	2	1	
11	MIS1054	Quản trị bán lẻ trực tuyến		2	2		
12	MIS1041	Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử		2	2		
13	MIS1014	Phát triển Web kinh doanh	MIS1006	3	2	1	
14	MIS1051	Nghiên cứu thị trường trực tuyến		2	2		
15	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python		3	2	1	
16	MIS1056	Kiến tập (411)		2	2		

Các môn học tự chọn: 12 TC							
1	MIS1057	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Chọn 1 trong 2	3	2	1	
2	MAT1003	Thống kê ứng dụng		3	3		
3	MIS1045	Phân tích dữ liệu Web	Nhóm E-marketing	3	2	1	
4	MIS1035	Thương mại trên mạng xã hội		3	2	1	
5	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử		3	3		
6	BUS1301	Văn hóa doanh nghiệp	Nhóm Quản trị	3	3		
7	BUS1300	Nghệ thuật lãnh đạo		3	3		
8	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1		3	2	1	
9	MIS1027	Phát triển Web kinh doanh nâng cao	Nhóm Xây dựng giải pháp TMDT	3	2	1	
10	MIS1059	Big Data và Ứng dụng		3	2	1	
11	MIS1055	Phát triển thương mại di động nâng cao		3	2	1	

8.3.3 Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp/Học 2 chuyên đề TN): 8 tín chỉ

8.3.4 Ma trận chuẩn đầu ra – Môn học:

9. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:

HỌC KỲ I – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	18	17	1		
1	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô I	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
5	MIS1037	Tin học cơ sở	3	2	1		
6	MIS1002	Giới thiệu ngành (411)	2	2			
		Môn học tự chọn	4	4			
7	GEN1105	Văn hóa học	3 môn chọn 1	2	2		
8	GEN1106	Xã hội học		2	2		
9	GEN1110	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2		
10	GEN1103	Địa chính trị thế giới	3 môn chọn 1	2	2		
11	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2		
12	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2		
13	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3			

HỌC KỲ II – 22 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	19	1		
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô I	3	3			ECO1001
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3			

4	BUS1100	Quản trị học căn bản		3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2		MAT1001	
6	MIS1006	Kỹ thuật lập trình		3	2	1		MIS1037
7	GEN1007	Triết học Mác - Lênin		3	3			
		Môn học tự chọn		2	2			
8	GEN1101	Tâm lý học đại cương	3 môn chọn 1	2	2			
9	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
10	GEN1008	Nhân học đại cương		2	2			
11	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		2	2			
12	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				

HỌC KỲ III (NĂM 2): 19 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết		
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi	
		Môn học bắt buộc	17	16	1			
1	GEN1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2				
2	BUS 1200	Marketing căn bản	3	3				
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		ECO1001 ECO1002		
4	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3		ACC1013		
5	MIS1036	Nền tảng công nghệ cho HTTT	3	2	1			
6	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3				
		Môn học tự chọn	2	1-2	1-0			
7	MIS1060	Tin học ứng dụng	2 môn chọn 1	2	1	1		
8	GEN1107	Logic học		2	2			

HỌC KỲ IV: 20TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	15	12	3		
1	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2			
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2			
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
5	MIS1050	Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	3	2	1		
6	MIS1017	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin	3	2	1	MIS1011	
		Môn học tự chọn	5	5-6	1-0		
7	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2			
8	BUS1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm					
8	GEN1111	Thực hành văn bản Tiếng Việt (2TC)					
9	MAT1003	Thống kê ứng dụng	2	3			
10	MIS1057	Kỹ thuật lập trình nâng cao					
			3 môn chọn 1				
			2 môn chọn 1				
							MIS1006

HỌC KỲ V: 14 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	11	9	2		
1	MIS1038	Marketing điện tử	3	3		BUS1200	
2	MIS1041	Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT	2	2			
3	MIS1014	Phát triển Web kinh doanh	3	2	1		
4	MIS1053	Phát triển Thương mại di động	3	2	1		
Sinh viên chọn 1 trong 3 hướng chuyên sâu (3TC)							
Chuyên sâu nhóm: E-Marketing							
5	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	3	3			

Chuyên sâu nhóm: Quản trị (Operations)							
6	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	3	2	1		
Chuyên sâu nhóm: Nhóm Xây dựng giải pháp TMĐT							
7	MIS1059	Big Data và Ứng dụng	3	2	1		

HỌC KỲ VI: 11 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	11	10	1		
1	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
2	MIS1054	Quản trị bán lẻ trực tuyến	2	2			
3	MIS1051	Nghiên cứu thị trường trực tuyến	2	2			
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			
5	MIS1056	Kiến tập (411)	2	2			

HỌC KỲ VII: 14 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	8	8			
1	MIS1048	An toàn và bảo mật TMĐT	3	3			
2	MIS1046	Pháp luật Thương mại điện tử	2	2			
3	MIS1039	Thanh toán điện tử	3	3			
Môn học tự chọn chuyên sâu (6 TC)							
Chuyên sâu nhóm E-Marketing							
7	MIS1045	Phân tích dữ liệu WEB	3	2	1		
8	MIS1035	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1		
Chuyên sâu nhóm: Quản trị (Operations)							
9	BUS1301	Văn hoá doanh nghiệp	3	3			
10	BUS1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3			
Chuyên sâu nhóm: Nhóm Xây dựng giải pháp TMĐT							
11	MIS1027	Phát triển Web kinh doanh nâng cao	3	2	1		
12	MIS1055	Phát triển thương mại di động nâng cao	3	2	1		

HỌC KỲ VIII: 8 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1069	Khởi nghiệp Thương mại điện tử (đối với sinh viên không làm KLTN)	2	2			
2	MIS1070	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh (411) (đối với sinh viên không làm KLTN)	2	2			
3	MIS1067	Thực tập tốt nghiệp	4		4		
4	MIS1068	Khoá luận tốt nghiệp	4		4		

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt nghiệp:

- Đối với sinh viên không làm luận văn: trong đó có 118 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn môn học chuyên sâu ngành.
- Đối với sinh viên làm luận văn: trong đó 112 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ sinh viên làm khoá luận và 12 tín chỉ tự chọn môn học tự chọn chuyên sâu ngành.

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG CHO SINH VIÊN NGÀNH NGOÀI

(chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)

(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1 (Hướng hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP)							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 1	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 2	3	3			
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		

Nhóm 2 (Hướng phân tích dữ liệu)							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1015	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
4	MIS1033	Kinh doanh thông minh và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3			

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)

(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1: E-Marketing							
1	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3			
2	MIS1038	Marketing điện tử	3	3			
3	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3			
4	MIS1039	Thanh toán điện tử	3	3			
Nhóm 2: Phát triển hạ tầng Thương Mại Điện Tử							
1	MIS1014	Phát triển Web kinh doanh	3	2	1		
2	MIS1027	Phát triển Web kinh doanh nâng cao	3	2	1		
3	MIS1049	Phát triển Thương mại di động	3	2	1		
4	MIS1055	Phát triển thương mại di động nâng cao	3	2	1		

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3				

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102

3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

10. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp/học chuyên đề tốt nghiệp

10.1 Thực tập tốt nghiệp:

10.1.1 Chuẩn bị:

Đầu học kỳ VII, Khoa gặp gỡ sinh phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Quy trình sinh viên liên hệ tìm doanh nghiệp thực

tập (tự liên hệ và với sự hỗ trợ của Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp của Trường); Trả lời các câu hỏi của sinh viên;....

Khoa cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kỳ VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

10.1.2 Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

❖ Dành cho Sinh viên học chuyên đề:

- Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp từ tuần đầu học kỳ 8 trong thời gian 10 tuần:
- Sinh viên viết đề cương chi tiết Báo cáo thực tập, nộp cho giảng viên hướng dẫn.
- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.
- Sinh viên vừa thực tập vừa viết báo cáo thực tập.
- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo thực tập cho Khoa, cùng với Nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.
- Đánh giá báo cáo thực tập: điểm của báo cáo bao gồm hai điểm thành phần (20% điểm đánh giá của doanh nghiệp và 80% điểm đánh giá của giảng viên).

❖ Đối với sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp:

- Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn
- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.
- Sinh viên hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận.

10.2 Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề tốt nghiệp

Cuối học kỳ 6 Phòng đào tạo và Khoa sẽ xét để sinh viên đủ điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp hay học chuyên đề tốt nghiệp theo quy định của nhà trường.

10.2.1 Làm khóa luận tốt nghiệp:



- Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.
- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.
- Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.
- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.
- Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.
- Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận.
- Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.
- Khóa luận được phân biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng

10.2.2 Học chuyên đề tốt nghiệp:

- Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ học 6 tín chỉ cho các chuyên đề tốt nghiệp trong thời gian cuối học kỳ 7.
- Sinh viên ôn tập 1 tuần, sau đó thi hết môn Chuyên đề tốt nghiệp.

❖ Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập. Các doanh nghiệp, đơn vị mà Trường đại học Kinh tế - Luật đã ký thỏa thuận hợp tác là: Công ty Cổ phần VNG, Công ty CP Thế giới di động, Công ty Golden Digital, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Công ty CP Global Cybersoft, Công ty DCA Creative, Công ty TNHH Web7mau, Công ty CP Smartlink, Công ty Giải Pháp Điện tử E-Solution, CT TNHH Phần mềm E Việt (Viet Software),...

11. Tóm tắt đề cương môn học

STT	Tên môn	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết	Mô tả nội dung môn học
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn học trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.
2	Kinh tế vi mô 1 (MICROECONOMICS)	3	Toán cao cấp	Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất....
3	Lý luận nhà nước và pháp luật (FUNDAMENTALS OF LEGISLATION)	3		Nội dung môn học bao gồm 7 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật Việt Nam
4	Toán cao cấp (Higher Mathematics)	5		Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính (ĐSTT) và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là quan hệ tuyến tính (QHTT). Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế. Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian R_n ; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

5	Tin học cơ sở (FUNDAMENTAL INFORMATICS)	3	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tư duy lập trình, cách tiếp cận các phương pháp lập trình, viết lưu đồ giải thuật. Kỹ năng lập trình các ứng dụng cơ bản với ngôn ngữ C#, cách tách chương trình thành nhiều module để xử lý, cách chuyển thể các nghiệp vụ ngoài đời thực vào phần mềm máy tính.
6	Giới thiệu ngành (411) (Introduction to Electronic Commerce Course)	2	Với mục tiêu môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành Thương mại điện tử và trang bị cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp học đại học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo, giao tiếp văn bản và trình bày ý kiến. Môn học này còn giới thiệu đến sinh viên chi tiết từng môn học và từng chuỗi môn học thuộc chương trình đào tạo cũng sẽ được giới thiệu để sinh viên có thể định hướng rõ ràng trong học tập, khám phá tiềm năng của bản thân để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và cảm hứng để học ngành đã chọn. Sinh viên được tham quan và tìm hiểu thực tế doanh nghiệp, khảo sát các ngành nghề kinh doanh thông qua các website thương mại điện tử trên Internet. Từ đó, sinh viên có thể hình thành những ý tưởng và lập kế hoạch đơn giản về kinh doanh và quản trị trong thương mại điện tử trong lĩnh vực cụ thể.
7	Văn hóa học (CULTURISM)	2	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau: - Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học. - Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học. - Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch. - Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.

8	Xã hội học (SOCIOLOGY)	2	Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Ngoài các lý luận cơ bản về văn hóa, văn hóa học và định vị chủ thể, không gian, tiến trình văn hóa Việt Nam, môn học bao gồm các tri thức về các thành tố văn hóa cơ bản: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử của Việt Nam.
10	Địa chính trị thế giới (POLITIC POLICIES IN THE WORLD)	2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, trên cơ sở đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.
11	Quan hệ quốc tế (INTERNATIONAL RELATIONS)	2	Môn học sẽ nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế
12	Lịch sử văn minh thế giới	2	Nhập môn Lịch sử văn minh thế giới: khái niệm lịch sử, văn hóa, văn minh, văn hiến, Phương Đông, Phương Tây, phân kỳ lịch sử, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và tiếp cận, ý nghĩa môn học... Lịch sử Văn minh Phương Đông: Văn minh Ai Cập cổ đại; Văn minh Ấn Độ; Văn minh Trung Hoa; Văn minh Arập Lịch sử Văn minh Phương Tây: Văn minh Phương Tây cổ đại: Hy Lạp và La Mã; Văn minh Phương Tây Âu trung đại Khái lược sự tiếp xúc, giao lưu văn minh Phương Đông và Phương tây thời cổ - trung

				đại. Phần văn minh Lương Hà cổ đại, Văn minh công hiệp và Văn minh thế kỷ XX người học tự nghiên cứu và trao đổi với giảng viên.
13	Luật doanh nghiệp (Corporation law)	3		Những nội dung cơ bản về doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, mô tả cơ bản quy chế pháp lý về từng loại hình doanh nghiệp; Trong từng nội dung cụ thể, nội dung của môn học sẽ giúp người học tiếp cận từng vấn đề cụ thể trong việc tổ chức quản trị doanh nghiệp, quy định về quy chế tài chính của doanh nghiệp và quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu với doanh nghiệp, các thành viên công ty với nhau; Nội dung môn học còn giúp người học nắm rõ quy chế pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp.
14	Kinh tế vĩ mô 1 (MACROECONOMICS)	3	Toán cao cấp, Kinh tế học vi mô	Môn học gồm 9 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. Gồm các nội dung cơ bản sau: - Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân - Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khoá - Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ - Lạm phát và thất nghiệp - Nền kinh tế mở - Tăng trưởng và phát triển kinh tế
15	Nguyên lý kế toán (PRINCIPLES OF ACCOUNTING)	3		Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, ... của kế toán; Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên nắm chắc nội dung các phương pháp và nguyên tắc kế toán tạo tiền đề giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn kế toán ngành.



16	Quản trị học căn bản (MANAGEMENT THEORIES)	3		Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
17	Lý thuyết xác suất (PROBABILITY AND STATISTICS)	2	Toán cao cấp	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất nhằm giúp sinh viên hiểu được các hiện tượng ngẫu nhiên - đối tượng nghiên cứu cơ bản của xác suất; hiểu và biết tính khả năng xảy ra (xác suất) của các biến cố ngẫu nhiên và biết áp dụng một cách thích hợp trong thực tiễn. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên một số quy luật phân phối xác suất cơ bản thông dụng làm nền tảng cho các môn Thống kê ứng dụng và Kinh tế lượng.
18	Kỹ thuật lập trình (PROGRAMMING TECHNIQUES)	3		Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về kỹ năng lập trình ứng dụng với C# trên nền tảng Windows Presentation Foundation (WPF), kiến thức về lập trình hướng đối tượng, xử lý tập tin, đóng gói thư viện.
19	Triết học Mác - Lênin	3		Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.
20	Tâm lý học đại cương (FUNDAMENTAL PSYCHOLOGY)	2		Thông qua môn học sinh viên có khả năng nắm được những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người qua đó biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào trong giao tiếp ứng xử và trong cuộc sống lao động, học tập.

21	Nhập môn khoa học giao tiếp (INTRODUCTION TO SCIENCE COMMUNICATION)	2	Môn học bao gồm 9 chương. Qua đó giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi. Đồng thời sinh viên nhận thức nhu cầu là động lực giúp con người hành động và tự đánh giá mình. Sinh viên nhận thức được về các yếu tố của truyền thông không lời và truyền thông có lời từ đó biết cách cải tiến truyền thông có lời hiệu quả để tăng cường và phát triển mối quan hệ...
22	Nhân học đại cương	2	Kiến thức (G2.1): Là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nên mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức để (G2.1.1) hiểu ngành khoa học nghiên cứu về con người, trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội; (G2.1.2) hiểu mối liên hệ giữa ngành nhân học với các ngành khoa học khác như lịch sử, triết học, tôn giáo, tâm lý học...; (G2.1.3) hiểu về phương pháp, lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu của ngành nhân học. Kỹ năng (G2.2): Trang bị cho sinh viên các kỹ năng trong (G2.2.1) nghiên cứu nghiên cứu nhân học, (G2.2.2) hiểu về cách vận dụng phương pháp, lý thuyết khi nghiên cứu cứu những vấn đề liên quan đến nhân học. Thái độ (G2): Sinh viên biết tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các tộc người người ở Việt Nam và trên thế giới.
23	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng. Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

24	Marketing căn bản (PRINCIPLES OF MARKETING)	3		Môn học Marketing căn bản tập trung giảng dạy các lý thuyết cơ bản về phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; và một số vấn đề liên quan đến sản phẩm, định giá, phân phối bán hàng và chiêu thị và Thương hiệu.
25	Nguyên lý thị trường tài chính (ECONOMICS OF MONEY AND FINANCIAL MARKETS)	3	Kinh tế học căn bản	Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức).....
26	Kế toán tài chính (Financial Accounting)	3		Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán (kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản nợ phải thu – các khoản ứng trước, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm).
27	Nền tảng công nghệ cho HTTT (DIGITAL INFRASTRUCTURE FOR INFORMATION SYSTEM)	3	Tin học cơ sở	MH tập nền tảng mạng, công nghệ cho kết nối IOT cho hạ tầng công nghệ
28	Thương mại điện tử (E-COMMERCE)	3	Quản trị học căn bản	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về TMĐT cũng như các vấn đề cần nắm bắt liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT, xây dựng dự án kinh doanh thương mại điện tử.
29	Tin học ứng dụng	2		MH gồm kiến trúc máy tính; MS Word, MS Powerpoint; mạng máy tính và Internet, an toàn dữ liệu; cơ sở dữ liệu quan hệ, MS Access; MS Excel; phân tích dữ liệu.

30	Logic học (LOGIC)	2		<p>Môn học này được biên soạn dựa vào chương trình giáo dục đại học Đại cương do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1995, mã số 051 (TR) 201 Nhập môn Logic học Chương trình giảng dạy trên lớp là 45 tiết (tương đương 3 đơn vị học trình). Môn học giới thiệu 6 chương: đại cương về logic, Những quy luật cơ bản của tư duy, Khái niệm, Phán đoán, Suy luận, Chứng minh, bác bỏ ngụy biện và những bài tập ứng dụng nhằm cung cấp 1 số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện đúng sai, tráo trở, ngụy biện trong lập luận của người khác.</p>
31	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2		<p>Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C.Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.</p>
32	Kinh tế quốc tế (International Economics)	2	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô	<p>Môn học gồm 7 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.</p>

33	Hệ thống thông tin kinh doanh (Business Information System)	2	<p>Môn học gồm 2 phần:</p> <p>Phần I: Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các quy trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên).</p> <p>Phần II: Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các quy trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các quy trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các quy trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất.</p>
----	---	---	--

34	Cơ sở dữ liệu (INTRODUCTION TO DATABASE)	3		<p>Môn học trình bày về vai trò, nhu cầu và cách thức của việc quản trị dữ liệu có cấu trúc trong các hệ thống thông tin doanh nghiệp. Môn học giới thiệu các mô hình cơ sở dữ liệu phổ biến, đi sâu vào trình bày và phân tích về mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và các ứng dụng. Sau khi hoàn thành môn học, người học sẽ có đủ các kỹ năng và kiến thức cần thiết để thực hiện đầy đủ các giai đoạn của quá trình xây dựng một cơ sở dữ liệu đáp ứng nhu cầu lưu trữ và khai thác thông tin cho các vấn đề quản trị được đặt ra.</p> <p>Môn học gồm 4 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phần một: Giới thiệu về cơ sở dữ liệu và mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ, các giai đoạn xây dựng cơ sở dữ liệu. • Phần hai: Sử dụng ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL trong quản trị cơ sở dữ liệu và khai thác thông tin. • Phần ba: Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để đánh giá và tối ưu hóa cơ sở dữ liệu. • Phần bốn: Lập trình phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu với C# theo mô hình 3 lớp.
35	Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	3		<p>Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về xử lý ảnh, các kỹ thuật chỉnh sửa biến đổi hình ảnh; biên tập, tạo hiệu ứng kỹ xảo cho video.</p>
36	Phân tích và thiết kế HTTT (Analysis and Design of Management Information System)	3	Tin học cơ bản, cơ sở dữ liệu, Kỹ thuật lập trình	<p>Môn học gồm 4 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần một: giới thiệu & ôn lại các kiến thức về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin quản lý nói riêng; trình bày các giai đoạn & các phương pháp được ứng dụng tại mỗi giai đoạn của quá trình phân tích & thiết kế, ưu khuyết điểm của các phương pháp; thực trạng ứng dụng và triển khai hệ thống thông tin quản lý tại nước ta hiện nay, các thuận lợi, khó khăn cũng như xu hướng phát triển, các vị trí công việc có liên quan. - Phần hai: trình bày cụ thể từng giai đoạn như khảo sát hiện trạng, phân tích yêu cầu, thiết kế các thành phần, đề xuất các giải pháp xây dựng, ...



37	Phương pháp nghiên cứu khoa học (RESEARCH METHODOLOGY)	2	Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất	<p>Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.</p>
38	Kỹ năng làm việc theo nhóm (Teamwork)	2	Quản trị học, Marketing căn bản	<p>Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải vận dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học. Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: kỹ năng trình bày, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả.</p> <p>Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng: làm việc trong kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng,... Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp các bạn hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.</p>



39	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2		Học phần gồm các nội dung sau: Chương 1: Khái quát về văn bản tiếng Việt Chương 2: Thực hành phân tích văn bản. Chương 3: Thực hành tạo lập văn bản Chương 4: Thực hành soạn thảo văn bản khoa học Chương 5: Thực hành soạn thảo văn bản hành chính
40	Thống kê ứng dụng	3	Toán Cao cấp, Lý thuyết Xác suất	Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.
41	Kỹ thuật lập trình nâng cao (Advanced PROGRAMMING TECHNIQUES)	3		Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về kỹ năng lập trình ứng dụng với C# và kiến thức về lập trình hướng đối tượng. Tổ chức dữ liệu và xây dựng thuật toán cho các giải quyết vấn đề cơ bản
42	Marketing điện tử (E-Marketing)	3	Marketing căn bản, Thương mại điện tử	Môn học gồm 4 phần: - Phần I: Tổng quan về E-marketing: Giới thiệu toàn cảnh về E-marketing: Quá khứ hiện tại và tương lai, thực trạng E-marketing ở Việt Nam, cách xây dựng chiến lược, kế hoạch E-marketing cũng như việc đo lường hiệu quả mà E-marketing mang lại. - Phần II: Môi trường E-marketing: Các vấn đề về thị trường toàn cầu, tính đạo đức và pháp lý có ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch E-marketing. - Phần III: Chiến lược E-marketing: Các thành tố quan trọng để hình thành nên chiến lược E-marketing: Nghiên cứu E-marketing, hành vi khách hàng trực tuyến, việc phân khúc, xác định thị trường mục tiêu, khác biệt hóa và định vị thương hiệu. Giới thiệu các chiến lược về sản phẩm, về giá và kênh phân phối. - Phần IV: Triển khai kế hoạch E-marketing: Các kiến thức tổng quát giúp cho việc triển khai được một kế hoạch E-marketing.

43	Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT (Supply Chain Management in Commerce)	2	Thương mại điện tử, Quản trị học, Hệ thống tin trong kinh doanh	Nội dung của môn học cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quát về sự cần thiết của Quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp. môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Quản trị chuỗi cung ứng, tập trung vào Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT (từ mảng phân phối đến khách hàng). Bên cạnh đó môn học còn cung cấp thêm công cụ và kỹ năng để sinh viên có thể cài đặt, thao tác trên hệ thống SCM mã nguồn mở.
44	Phát triển Web Kinh doanh (Business Website Development)	3	Tin học đại cương, Kỹ thuật lập trình	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức để thiết kế và lập trình website kinh doanh đơn giản thông qua các ngôn ngữ lập trình phía máy khách: ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, XML, mô hình DOM, Angular...
45	Phát triển thương mại di động (Develop mobile commerce)	3		Điện toán di động, nền tảng kỹ thuật về lập trình ứng dụng di động trên nền tảng Android, mức độ front-end. Khái niệm thương mại di động và các mô hình, hình thức kinh doanh và tiếp thị
46	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (Electronic Customer Relationship Management)	3	Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin kinh doanh, Marketing điện tử, Quản trị học căn bản	Tìm hiểu kiến thức về quản trị quan hệ khách hàng điện tử, sự khác biệt giữa quản trị quan hệ khách hàng điện tử và quản trị quan hệ khách hàng truyền thống. Tìm hiểu quy trình nghiệp vụ về mối quan hệ khách hàng, các đối tượng tham gia trực tiếp vào quy trình này (Doanh nghiệp, khách hàng, nhà quản lý, nhân viên kinh doanh). Trang bị các kiến thức về xây dựng, phát triển và lập kế hoạch dự án triển khai hệ quản trị quan hệ khách hàng.
47	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1 (INTEGRATED BUSINESS PROCESSES WITH ERP SYSTEMS)	3		Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp – ERP system. Trong đó, môn học trình bày các khái niệm liên quan đến tổ chức, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trong tổ chức và sự hỗ trợ của hệ thống thông tin doanh nghiệp trong quá trình tin học hóa hoạt động kinh doanh.

48	Phân tích dữ liệu với R/Python	3		This course introduces the fundamentals of data analytics with python. It first reviews several most popular python libraries in data science, Numpy, Pandas, and Matplotlib. Then it focuses on basics of statistics concepts, time series analysis, and natural language processing. The course follows a streamline of data analytics projects with python as the tool. The course uses the hand-on approach, integrating the concepts of data analytics with python code examples.
49	Quản trị bán lẻ trực tuyến (Retail Management Online)	2	Thương mại điện tử, Quản trị học, Hệ thống tin trong kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về trị bán lẻ trực tuyến: thông tin về tình hình thị trường, công nghệ, kỹ thuật trong bán lẻ trực tuyến. nhằm thiết lập, thực hiện hệ thống chuỗi cung ứng có thể áp dụng cho các loại tổ chức khác nhau trong xã hội.
50	Nghiên cứu thị trường trực tuyến (Online marketing research)	2		Hoạt động thương mại điện tử của một công ty gắn liền với việc ra quyết định của nhà quản trị. Để có thể được những quyết định chính xác nhất, các nhà quản trị không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm và phán đoán theo cảm tính chủ quan mà cần có thông tin hỗ trợ. Các quyết định kinh doanh phải dựa trên cơ sở thu thập và phân tích các một cách khoa học theo những tiến trình và phương pháp nhất định. Việc hiểu biết thuần thực công tác thực hành nghiên cứu kinh doanh đã trở thành một nhu cầu quan trọng trong doanh nghiệp. Học phần chú trọng vào các lý thuyết cơ bản và cách thức thực hành nghiên cứu thị trường trực tuyến, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, soạn thảo bảng câu hỏi, thu thập dữ liệu, xử lý và viết báo cáo.
51	Phát triển thương mại di động nâng cao (Develop advanced mobile commerce)	3		Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ thuật lập trình nâng cao trên nền tảng di động Android, kiến thức về việc lưu trữ dữ liệu như Shared Preference, Sqlite giúp quản lý dữ liệu local một cách hiệu quả. Môn học còn cung cấp kiến thức về chuyên hoạt ứng dụng giúp cho giao diện thêm đẹp mắt, các kiến thức về lập trình đa tuyến giúp phần mềm có thể cập nhật giao diện thời gian thực cũng như việc tải dữ liệu từ internet một cách mượt mà. Broadcast receiver,



				tương tác dịch vụ internet RestFul, Google Map.... Cuối cùng môn học cung cấp cách thức đăng ký tài khoản cũng như đóng gói, chuẩn hóa ứng dụng để đưa lên chợ ứng dụng Google Play nhằm thương mại hóa phần mềm.
52	Phát triển Web Kinh doanh nâng cao (ADVANCED WEB DEVELOPMENT)	3	Phát Triển Web Kinh Doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức, kỹ năng liên quan đến lập trình web phía máy chủ như web server (IIS), các khái niệm về ASP.NET Web form, ASP.NET MVC, ASP.NET Core, các kỹ thuật và công nghệ mới liên quan đến việc xây dựng và triển khai ứng dụng Web.
53	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.
54	An toàn và bảo mật TMĐT (E-Commerce Security)	3	Thương mại điện tử, Nền tảng công nghệ cho hệ thống thông tin	Trong thương mại điện tử, mặc dù các giao dịch đều diễn ra trong môi trường Internet, cả người bán và người mua đều phải đối mặt với những rủi ro tương tự như trong thương mại truyền thống. Tất cả các loại tội phạm diễn ra trong môi trường thương mại truyền thống đều xuất hiện trong thương mại điện tử. Môn học An toàn và bảo mật thương mại điện tử cung cấp các kiến thức và kỹ năng để giảm các rủi ro trong thương mại điện tử, đây là một quá trình phức tạp liên quan đến các yếu tố như các giải pháp công nghệ, các thủ tục và các chính sách của tổ chức, luật pháp và những tiêu chuẩn liên quan.
55	Pháp luật Thương mại điện tử (E-commerce Law)	2	Pháp luật đại cương	Môn học này cung cấp các kiến thức căn bản về luật và pháp lý liên quan đến thương mại điện tử.
56	Thanh toán điện tử (E-Payments)	3	Thương mại điện tử	Môn học gồm 3 phần: - Phần một: giới thiệu những vấn đề cơ bản về thanh toán điện tử. - Phần hai: trình bày chi tiết các vấn đề về bảo mật trong thanh toán điện tử. - Phần ba: giới thiệu các phương pháp thanh toán điện tử.

57	Phân tích dữ liệu WEB (Web data analytics)	3	Cơ sở dữ liệu, Thiết kế và lập trình Web TMĐT, Thương mại điện tử.	Xu hướng phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là thế hệ web 2.0 đã hình thành nên một xu thế kinh doanh, quản lý và giao tiếp xã hội mới. Điều này dẫn đến hành vi của con người cũng thay đổi theo. Chính vì vậy, việc sử dụng và khai thác các website và các công cụ trực tuyến ngày càng hiệu quả. Các giao dịch mua bán, trao đổi thông tin hầu như được người dùng thực hiện trực tuyến trên website và các công cụ trực tuyến đó. Vì vậy, việc quản lý và phân tích dữ liệu từ các giao dịch đó phát sinh thêm nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là dữ liệu phát sinh liên tục và đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau dẫn đến khó quản lý và phân tích để làm thế nào hiểu được khách hàng, phân tích được tình hình kinh doanh của công ty. Phân tích dữ liệu Web sẽ giúp người quản lý giải quyết điều khó khăn đó. Với mục tiêu là thu thập, phân tích, báo cáo những dữ liệu được giao dịch từ các website (gồm cả dữ liệu có cấu trúc và không có cấu trúc), phân tích dữ liệu Web được áp dụng để hỗ trợ đánh giá tình hình hoạt động cũng như xây dựng chiến lược kinh doanh, quản lý trong ngắn và dài hạn của công ty.
58	Thương mại trên mạng xã hội (Social commerce)	3	Thương mại Điện tử, Thương mại Di động, Marketing căn bản, Marketing điện tử, Thanh toán Điện tử.	Các khái niệm, nền tảng và công cụ thương mại trên mạng xã hội, cách tiếp cận khách hàng, xây dựng chiến lược tiếp thị, bán hàng; thực hành kinh doanh trên facebook, zalo, instagram
59	Văn hoá doanh nghiệp (Corporate culture)	3	Triết học, Quản trị học	Người học sẽ được trang bị những kiến thức tổng quan về văn hóa, văn hóa doanh nghiệp; văn hóa kinh doanh, chức năng của văn hóa trong kinh doanh của doanh nghiệp; các phương diện hay nội dung cơ bản của văn hóa doanh nghiệp Người học sẽ được học những kiến thức về những đặc điểm văn hóa của các dân tộc trên thế giới dựa trên các chiều kích văn hóa là cội rễ của các hành xử của doanh nghiệp

			<p>(dimensions) được nghiên cứu bởi các nhà nghiên cứu lớn về văn hóa chủ yếu là của 2 cây đại thụ người Hà Lan là Geert Hofstede và Fons Trompenaars và một học giả Mỹ là Edgar Schein mà hầu như trường đại học nào cũng sử dụng trong chương trình quản trị kinh doanh của mình</p> <p>Đó là các chiều kích về: khoảng cách quyền lực (power distance); chống bất định (uncertainty avoidance) nam tính- nữ tính (masculinity vs femininity); chủ nghĩa cá nhân - chủ nghĩa tập thể (individualism vs collectivism); định hướng dài - ngắn hạn (long vs short term orientation); trọng giá trị chung - trọng giá trị riêng (universalism vs particularism); tách bạch - nhập nhằng trong các mối quan hệ xã hội (specific vs diffuse); trọng kết quả - trọng quan hệ (deal focus vs relationship focus); biểu hiện công khai cảm xúc – kìm nén cảm xúc (affective vs neutral); mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên (how we relate to nature) và quan niệm của con người về thời gian (how we manage time).</p> <p>Đặc biệt là: Từ những chiều kích lớn ấy sẽ thấy được các hệ lụy của nó trong các khía cạnh của kinh doanh và quản trị, ...</p> <p>Từ mỗi chiều kích nói trên giảng viên sẽ liên hệ đến Việt Nam và phân tích những tác động tích và tiêu cực của nó đối với các hành xử của doanh nghiệp Việt Nam.</p> <p>- Người học cũng sẽ học được những yếu tố chủ yếu của văn hóa doanh nghiệp; cách thức hình thành, cách đánh giá, các bước xây dựng và thay đổi văn hóa doanh nghiệp.</p> <p>- Từ những kiến thức đó, nếu là nhân viên thì sẽ hội nhập nhanh vào văn hóa doanh nghiệp không bị sốc văn hóa; nếu là lãnh đạo thì có thể có những kiến thức cơ bản để hình thành và thay đổi văn hóa doanh nghiệp khi cần thiết.</p>
60	Nghệ thuật lãnh đạo PSYCHOLOGY OF LEADERSHIP	3	<p>Giúp Sinh viên nắm vững và đi sâu vào kiến thức về tâm lý con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý con người, các qui luật tâm lý (thuyết Đức trị, thuyết Pháp trị). Từ đó vận dụng phương pháp Tư duy (bao gồm cả 3 phương pháp: phương pháp phân tích, phương pháp đánh giá, phương pháp suy luận). Đồng thời vẫn phải đảm bảo 3 nguyên lý trong Nghệ thuật lãnh đạo (nguyên lý 1:</p>

			chân thành, thật tình; nguyên lý 2: tiên trách kỷ mà không có hậu trách nhân; nguyên lý 3: phù hợp với Văn hóa Á Đông). Giải quyết các vấn đề trong nghệ thuật lãnh đạo bằng cách dung hòa các mối quan hệ.
61	Big Data và Ứng dụng (Big Data and Applications)	3	<p>Business data analytics provides an introduction to business intelligence and analytics, which include the use of data, statistical and quantitative analysis, exploratory and predictive models, and evidence-based methods to inform business decisions and actions.</p> <p>The identification of data, variables, and relevant business questions – and the iteration of these throughout the decision-making process – to provide value to organizations is highlighted throughout the semester. The application of select data mining techniques to business decision-making situations is illustrated. Students actively participate in the delivery of this course through assignments, portfolio development, and projects.</p> <p>Upon successful completion of this course, students will be able to:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Understand the Big Data Platform and its Use cases • Provide an overview of Apache Hadoop • Provide HDFS Concepts and Interfacing with HDFS • Understand Map Reduce Jobs • Provide hands on Hadoop Eco System • Apply analytics on Structured, Unstructured Data. • Exposure to Data Analytics with R.
62	Khởi nghiệp Thương mại điện tử (Startup E-commerce)	2	Môn học giúp sinh viên đánh giá ý tưởng kinh doanh, nhận thức được các vấn đề, khái niệm, quy trình và phương pháp để quản trị dự án khởi nghiệp trong môi trường thương mại điện tử.

63	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh (411) (DATA ANALYTICS IN BUSINESS)	2	<p>Việc quản lý dữ liệu, thông tin và đưa ra những thống kê, báo cáo đóng vai trò rất quan trọng đối với mọi đơn vị, tổ chức và đặc biệt là các doanh nghiệp. Các thống kê báo cáo nhằm cung cấp các thông tin trực quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời sẽ giúp các nhà quản trị trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược cũng như xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn. Các con số, biểu mẫu thống kê là cơ sở quan trọng nhất để kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch, chiến lược và chính sách đó. Tuy nhiên, phần lớn các dữ liệu phục vụ thống kê của các phần mềm quản lý thường rời rạc và chỉ ứng dụng cho các nghiệp vụ cụ thể, chưa hỗ trợ nhiều cho việc ra quyết định và trình diễn thông tin, tri thức một cách có ý nghĩa cho nhà quản trị. Để có thể chuyển dữ liệu tác nghiệp thành thông tin và tri thức hữu ích, các doanh nghiệp cần phải lựa chọn giải pháp, công cụ thích hợp để thực hiện. Giải pháp Business Intelligence (BI) đã và đang được ứng dụng ở rất nhiều quốc gia trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Bằng cách tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau vào kho dữ liệu và từ đó thực hiện phân tích dữ liệu và tạo báo cáo thống kê, BI cung cấp cho nhà quản trị cái nhìn tổng quan và toàn diện về doanh nghiệp. BI chuyển đổi dữ liệu tác nghiệp của doanh nghiệp thành các thông tin và tri thức trong quản lý và kinh doanh, giúp gắn kết với hoạt động kinh doanh trong nội bộ tổ chức và với các tổ chức đối tác bên ngoài. Thực tế, bất kỳ hệ thống ERP nào cũng trang bị một hệ thống lập báo cáo sẵn có, tuy nhiên sẽ phát sinh vấn đề nếu dữ liệu ngày càng lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu quá lớn làm cho thời gian lập báo cáo, phân tích số liệu mất nhiều thời gian gây hao tổn chi phí vận hành, cũng như mất đi cơ hội kinh doanh khi thông tin không được cung cấp kịp thời. Bên cạnh đó ERP vốn là một hệ thống OLTP – được thiết kế phục vụ truy cập đồng thời, lượng giao dịch lớn nhưng không phù hợp cho việc phân tích, tổng hợp và lập báo cáo. - Các công cụ tích hợp sẵn trong hệ thống
----	--	---	---

			<p>ERP thường không đáp ứng được nhu cầu phân tích dữ liệu chuyên sâu của nhà quản trị.</p> <p>- Hệ thống ERP không thể đáp ứng nhu cầu giám sát và cảnh báo cho các nhà quản trị khi tình hình kinh doanh đang gặp phải vấn đề từ đó có những điều phối thích hợp, giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.</p> <p>Vậy giữa BI và ERP có mối liên hệ với nhau như thế nào? Dễ dàng nhận thấy ERP là nơi phát sinh nguồn dữ liệu tác nghiệp. Nếu ERP hỗ trợ cho quản lý tác nghiệp thì BI là giải pháp chuyển đổi dữ liệu tác nghiệp thành thông tin và tri thức, thực hiện các báo cáo phức tạp, đa chiều và có tính tổng hợp cao hỗ trợ cho nhà quản trị.</p> <p>Trong môn học này, sẽ tập trung trình bày và giải quyết những vấn đề nêu trên.</p>
--	--	--	--

12. Đề cương chi tiết môn học (Xem PHỤ LỤC 1)

13. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

13.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS	TS	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
2	Dương Thị Việt	1962	GVC - 2002	ThS - 1994	Kinh tế	Triết học Mác - Lênin
3	Phạm Thị Hạ Nguyên	1962		ThS - 1994	Kinh tế	Triết học Mác - Lênin
4	Hà Thanh Minh	1962		ThS - 1994	Kinh tế	Kinh tế chính trị Mác Lênin
5	Nguyễn Thị Thu Trang	1981		TS - 2019	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương
6	Đào Thị Thu Hằng	1977		ThS - 2006	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp
7	Lê Anh Vũ	1958	PGS - 2006	TS - 1990	Hình học – Tô pô	Toán cao cấp
8	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS - 2010	Toán (XSTK)	Lý thuyết xác suất
9	Lê Thanh Hoa	1983		ThS - 2007	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Thống kê ứng dụng
10	Nguyễn Thị Lan Anh	1969		TS - 2014	Tài chính	Nguyên lý kế toán
11	Phan Đức Dũng		PGS	TS - 2001	Kế toán	Kế toán tài chính
12	La Xuân Đào	1959	GVC	TS - 2012	Kinh tế	Lý thuyết kiểm toán
13	Hoàng Thọ Phú	1971		ThS - 1996	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý thị trường tài chính
14	Trần Thị Hồng Liên	1983		TS	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản

15	Phan Đình Quyền		GVC	TS		Văn hóa doanh nghiệp
16	Huỳnh Thanh Tú			TS		Nghệ thuật lãnh đạo
17	Phùng Thanh Bình	1984		TS -		Marketing căn bản
18	Trần Thị Ánh	1986		ThS - 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Giới thiệu ngành (411) Phát triển Web kinh doanh Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT Quản trị bán lẻ trực tuyến Thương mại điện tử
19	Phạm Mạnh Cường	1986		ThS - 2011	Hệ thống thông tin quản lý	Marketing điện tử Pháp luật Thương mại điện tử Thanh toán điện tử
20	Trương Hoài Phan	1976		ThS - 2002	Tin học	Kỹ thuật lập trình nâng cao Nền tảng công nghệ cho hệ thống thông tin Phát triển ứng dụng mã nguồn mở
21	Hồ Trung Thành	1975		ThS - 2009	Khoa học máy tính	Big Data và Ứng dụng Thương mại điện tử
22	Nguyễn Duy Nhất	1980		ThS - 2006	Tin học	Cơ sở dữ liệu
23	Lê Hoàn Sử	1978		TS - 2016	E-Business	Phân tích dữ liệu với R/Python Thương mại điện tử Marketing điện tử
24	Trần Quang Thân	1966		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Cơ sở dữ liệu
25	Triệu Việt Cường	1982		ThS - 2008	Quản trị kinh doanh	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý
26	Vũ Thúy Hằng	1988		ThS - 2013	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kinh doanh Tích hợp quy trình kinh doanh với các

						hệ thống ERP
27	Lê Hải Nam	1982		ThS - 2007	Khoa học máy tính	Thương mại trên mạng xã hội Tin học ứng dụng
28	Lê Thị Kim Hiền	1990		ThS – 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1 Hệ thống thông tin kinh doanh
29	Phan Công Chính	1976		TS		Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP1 Hệ thống thông tin doanh nghiệp
30	Lê Quốc Hiếu	1976		TS - 2014	Quản trị Kinh doanh	Thương mại điện tử
31	Vũ Văn Điệp	1970		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Hệ thống thông tin kinh doanh Thanh toán điện tử
32	Nguyễn Quang Hưng	1981		ThS - 2016	Quản lý CNTT	An toàn bảo mật TMĐT Quản lý dự án Thương mại điện tử Quản trị quan hệ khách hàng điện tử
33	Nguyễn Quang Phúc	1989		ThS -2016	Khoa học máy tính	Phân tích dữ liệu Web Thiết kế đồ họa và đa phương tiện Tin học cơ sở
34	Trần Duy Thanh	1983		ThS - 2015	Khoa học máy tính	Kỹ thuật lập trình Phát triển thương mại di động Phát triển thương mại di động nâng cao Phát triển Web kinh doanh nâng cao
35	Nguyễn Thôn Dã	1980		ThS-2013	Khoa học máy tính	Tin học ứng dụng Hệ thống thông tin kinh doanh

13.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Lê Tuyết Ánh	GVC.Ths			- Tâm lý học - Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
2	Đào Minh Hồng	TS			Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
3	Chu Duy Ly	ThS			Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
4	Trần Nam Tiến	PGS.TS			Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
5	Phạm Đình Nghiệm	PGS.TS			- Logic học - Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Sài Gòn
6	Nguyễn Anh Thường	TS				ĐH Khoa học XH & NV
7	Nguyễn Ngọc Thơ	TS			Văn hóa học	ĐH Khoa học XH & NV
8	Lê Thị Ngọc Diệp	TS			Cơ sở văn hóa Việt Nam	ĐH Khoa học XH & NV
9	Phạm Khánh Bằng	GVC.Ths			- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Tư tưởng HCM	Học viện hành chính khu vực II
10	Đinh Thị Điều	GVC.Ths				Học viện hành chính khu vực II
11	Nguyễn Thị Hoa Phượng	GVC.Ths				Học viện hành chính khu vực II
12	Trần Dũng	TS			Nhân học đại cương	ĐH Khoa học XH & NV
13	Trần Thị Minh Thu	TS			Thực hành văn bản Tiếng Việt	ĐH Khoa học XH & NV

14					Lịch sử văn minh thế giới	
15	Phạm Xuân Kiên	TS			Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu Quản lý dự án HTTT	Đại học Công nghiệp TPHCM

13.3 Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	TS. Hồ Trung Thành
2	ThS. Trương Hoài Phan
3	TS. Lê Hoàn Sử
4	ThS. Trần Duy Thanh
5	ThS. Nguyễn Quang Hưng
6	ThS. Phạm Mạnh Cường
7	ThS. Trần Thị Ánh

14. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

14.1 Phòng học: Tại cơ sở nhà điều hành và học tập của Trường đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM tại Khu phố 3 - Phường Linh Xuân - Quận Thủ Đức

14.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, địa chỉ	Đơn vị chủ quản	Môn học	Diện tích	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (máy tính)
1	Phòng Lab Business Intelligence	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Khởi nghiệp kinh doanh Thương mại điện tử Phục vụ cho các hướng nghiên cứu về Thương mại điện tử và Hệ thống thông tin quản lý Phục vụ đề tài nghiên cứu xây dựng sản phẩm giao dịch thị trường		55

			thương mại điện tử ảo Nghiên cứu lĩnh vực BigData (Dữ liệu lớn) trong Thương mại điện tử.		
2	Phòng máy 601 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45
3	Phòng máy 607 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Tin học cơ sở Kỹ thuật lập trình Phát triển ứng dụng mã nguồn mở		45
4	Phòng máy 501 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Hệ thống thông tin kinh doanh Cơ sở dữ liệu Phân tích dữ liệu Web Thiết kế Web kinh doanh Phân tích và thiết kế HTTT		45
5	Phòng máy 511 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Phát triển ứng dụng di động		45
6	Phòng máy 707 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45

14.3 Hội trường: Trường đại học Kinh tế-Luật có 1 hội trường với tổng diện tích 923 m² được trang bị hiện đại, sử dụng cho hoạt động công tác của Trường và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của sinh viên.

14.4 Thư viện:

❖ Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối internet

1	Diện tích	m ²	395
2	Số đầu sách	Quyển	926
3	Số đầu sách về Kinh doanh quốc tế	Quyển	168

❖ Thư viện Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: Thư viện trung tâm ĐHQG TP. HCM với diện tích khoảng 9.000m² được trang bị đầy đủ các tài liệu, giáo trình, sách nghiên cứu, báo và các tạp chí, thư viện điện tử, ... phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của toàn bộ sinh viên, giảng viên thuộc các trường thành viên ĐHQG TP. HCM.

14.5 Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
1	Tin học cơ sở	Kỹ thuật lập trình cơ bản	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2019
2	Kỹ thuật lập trình	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2019
3	Hệ thống thông tin kinh doanh	Essentials of business process and Information systems	Simha R. Magal and Jeffrey Word	Wiley	2009
4	Nền tảng công nghệ cho HTTT	Computer Networking – A Top Down Approach - 6th Edition	James F.Kurose & Keith W.Ross		2013
5	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Hồ Trung Thành Lê Hoàn Sử	ĐHQG TP.HCM	2014
6	Tin học ứng dụng	Tin học ứng dụng	Trương Hoài Phan, Vũ Văn Điệp, Ngô Cao Định, Lê Hải Nam, Phạm Công Thành, Vũ Thúy Hằng	ĐHQG	2015
7	Cơ sở dữ liệu	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Nguyễn Duy Nhất Lê Thị Kim Hiền, Vũ Thúy Hằng	ĐHQG TP.HCM	2015
8	Phân tích và thiết kế HTTT	“Systems Analysis and Design”, 9th Edition,	K. Kendall & J. Kendall	Prentice Hall, Pearson Education	2014
9	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Cơ sở lập trình	Ngô Cao Định, Phạm Công Thành, Nguyễn Thôn Dã	ĐHQG	2015
10	Marketing điện tử	E-marketing, 6th Ed	Judy Strauss, Raymond Frost	Pearson	2011

11	Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT	E-Logistics: Managing Your Digital Supply Chains for Competitive Advantage	Yingli Wang, Steve Pettit	Kogan Page	2016
12	Phát triển Web Kinh doanh	Programming in HTML5 with JavaScript and CSS3		PUBLISHED BY Microsoft Press	
13	Phát triển thương mại di động	M-Commerce	Paul Skeldon	Crimson Publishing	2011
14	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	Electronic Customer relationship management,	Jerry Fjermestad, Nicholas C., Jr. Romano	M.E. Sharpe,	2015
15	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2012
16	Phân tích dữ liệu với R/Python	Python for Data Analysis: Data Wrangling with Pandas, NumPy, and Ipython, 2nd edition	Wes McKinney	O'Reilly Media	2017
17	Quản trị bán lẻ trực tuyến	Retail Management: A Strategic Approach, Global Edition (13th)	Barry R. Berman & Joel R. Evans	Pearson Education	2018
18	Phát triển thương mại di động nâng cao	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	Lê Hoàn Sử, Hồ Trung Thành, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2017
19	Phát triển Web Kinh doanh nâng cao	Professional ASP.NET MVC 5 (ISBN: 978-1-118-79475-3)	Jon Galloway, Brad Wilson, K. Scott Allen, David Matson	John Wiley & Sons, Inc	2014
20	An toàn và bảo mật TMĐT	Ecommerce Security Methods, Protocols and Solutions Ecommerce Security Issues,	Prashant Pittalia	LAP LAMBERT Academic Publishing	2015

		Policies and Model Ecommerce Security Real Life Cases and Practical Solutions			
21	Pháp luật Thương mại điện tử	Luật Giao Dịch Điện Tử Và Các Văn Bản Hướng Dẫn Thực Hiện	Nguyễn Huyền Nga	Nxb Lao động Xã hội	2009
22	Thanh toán điện tử	Electronic Payment Systems for e-Commerce	Donal O'Mahony, Michael Peirce, Hitesh Tewari	Artech House	2001
23	Phân tích dữ liệu WEB	Web Analytics: An Hour a Day	Avinash Kaushik	Wiley	2007
24	Big Data và Ứng dụng	Big Data Analytics	Seema Acharya, Subhasini Chellappan	WILEY	2015
25	Khởi nghiệp Thương mại điện tử	Entrepreneurship: Theory, Process, and Practice	Donald F. Kuratko	Cengage Learning	2016
26	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh (411)	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	Hồ Trung Thành, Triệu Việt Cường, Vũ Thúy Hằng, Lê Hoành Sử, Lê Thị Kim Hiền	ĐHQG	2016

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Chương trình dự kiến áp dụng từ năm học 2019 – 2020

16. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội.

TRƯỞNG KHOA



HỒ TRUNG THÀNH



HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN TIẾN DŨNG

